

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 109/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1959

Bà Phan Thị V, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: ấp TH1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1988;
Địa chỉ: ấp AH, xã BK, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp TS3, xã TT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Võ Hùng D, sinh năm 1960

Địa chỉ: 126D2, ĐHM, Khu phố BL, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Kim Đ và bà Phan Thị V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Kim N số tiền vay và tiền lãi còn nợ tổng cộng là 1.048.000.000 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi tám triệu đồng). Ghi nhận bà Trần Thị Kim N không yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với số tiền trên.

Hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/02/2020 giữa bà Trần Thị Kim N với ông Nguyễn Kim Đ và bà Phan Thị V đối với một phần thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20, diện tích 8863,6 m² (nay là thửa đất số 422, tờ bản đồ số 20, diện tích 8.863,6 m²), tọa lạc tại xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

Kiến nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 422, tờ bản đồ số 20, diện tích 8863,6 m², tọa lạc tại xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre từ bà Trần Thị Kim N sang ông Nguyễn Kim Đ và bà Phan Thị V.

Ghi nhận các thửa đất số 423 diện tích 1.097,7m², thửa đất số 424 diện tích 524,8m² và thửa đất số 425 diện tích 614,3m², cùng tờ bản đồ số 20, cùng tọa lạc tại xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre do bà Trần Thị Kim N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị Kim N, ông Nguyễn Kim Đ và bà Phan Thị V không tranh chấp.

(Có họa đồ kèm theo)

2. Về chi phí thu thập chứng cứ tổng cộng là 11.253.000 (Mười một triệu hai trăm năm mươi ba ngàn) đồng, các bên thỏa thuận ông Nguyễn Kim Đ và bà Phan Thị V tự nguyện chịu 6.000.000(Sáu triệu) đồng, bà Trần Thị Kim N tự nguyện chịu 5.253.000(Năm triệu hai trăm năm mươi ba ngàn) đồng. Do Nguyễn Kim Đ và bà Phan Thị V đã nộp tạm ứng chi phí thu thập chứng cứ nên bà Trần Thị Kim N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Kim Đ và bà Phan Thị V số tiền là 5.253.000(Năm triệu hai trăm năm mươi ba ngàn) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim N phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch được giảm 50% là 150.000(Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được giảm 50% là 21.720.000(Hai mươi một triệu bảy trăm hai mươi ngàn) đồng ông Nguyễn Kim Đ và bà Phan Thị V có trách nhiệm liên đới chịu nhưng ông Nguyễn Kim Đ và bà Phan Thị V là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện MCB;
- Chi cục THADS huyện MCB;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang